

# PHẦN ĐỀ TRONG CÁC LOẠI CÂU NGHI VẤN, CẦU KHIẾN VÀ CẢM THÁN CỦA TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Hồng Vân

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

**Tóm tắt:** Trong tiếng Việt, chức năng cú pháp lấy trật tự từ làm trọng. Khi những thay đổi trật tự từ xảy ra, ý nghĩa của câu về cơ bản bị ảnh hưởng. Những thay đổi trật tự từ tạo ra những phần Đề khác nhau trong câu tiếng Việt. Phần Đề là một phạm trù nổi bật, gắn với những chức năng cụ thể, phản ánh sự lựa chọn mang tính chủ quan, kinh nghiệm và thái độ của người nói/viết trong sự phát triển ngôn bản. Trong bài báo này, người viết vận dụng lý thuyết ngữ pháp chức năng của Halliday để triển khai vào câu tiếng Việt mà cụ thể là các loại câu nghi vấn, cầu khiến và cảm thán để thấy được sự đa dạng của phần Đề trong câu tiếng Việt.

**Từ khóa:** Câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, phần Đề, ngữ pháp chức năng của Halliday.

Nhận bài ngày 23.4.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.6.2023.

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Hồng Vân; Email: nthvan@daihocthudo.edu.vn

## 1. MỞ ĐẦU

Phần Đề là hệ thống được lựa chọn để hiện thực hóa chức năng ngôn bản của ngôn ngữ. Theo Halliday [8], chức năng ngôn bản được xem là chức năng “phương tiện” của ngôn ngữ bởi vì hệ thống thuyết minh cho ý nghĩa ngôn bản đóng vai trò trong tổ chức kí hiệu học của ý nghĩa liên nhân (những ý nghĩa này liên quan đến mối quan hệ xã hội ứng với tình huống lời nói) và ý nghĩa kinh nghiệm (những ý nghĩa này liên quan đến tính chất của các tham thể, quá trình, và chu cảnh chứa đựng trong lời nói). Điều này có nghĩa là chức năng ngôn bản có quan hệ với cấu trúc kinh nghiệm và ý nghĩa liên nhân “với tư cách là thông tin được chia sẻ giữa người nói/nghe và người viết/đọc.

Thông tin liên quan đến người nói có thể được nhìn nhận qua hệ thống phần Đề. Halliday [8: 308] giải thích điểm này theo cách sau đây: “phần Đề là một hệ thống của câu và nó được hiện thực hóa bởi chuỗi các yếu tố được sắp đặt trong câu - phần Đề xuất hiện trước tiên”.

Phân tích phần Đề của câu trong ngôn bản nói và viết có thể bộc lộ cách thức câu được tổ chức với tư cách một thông điệp. Trong kho tàng nghiên cứu về phần Đề, đã có nhiều công trình nghiên cứu khái niệm này lấy ngôn ngữ viết làm dữ liệu minh họa (ví dụ, Fries [7]; Cao Xuân Hạo [2]; Diệp Quang Ban [1]; Hoàng Văn Vân [5]; Nguyễn Thị Hồng Vân [6]). Bài viết này dự định thử khảo sát phần Đề trong câu quan hệ đồng nhất có từ *là* của tiếng Việt. Trước khi trình bày cách phân tích và kết quả nghiên cứu, người viết sẽ miêu tả vấn đề khái niệm phần

Đề, các kiểu phần Đề, những tiêu chuẩn và chức năng của phần Đề và thông tin Mới trong khung lí thuyết ngôn ngữ chức năng hệ thống của Halliday.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Phần Đề và các kiểu phần Đề

#### 2.1.1. Tiêu chí nhận diện

Halliday [8] cho rằng phần Đề được hiện thực hóa bằng vị trí trong câu và được nhận diện bởi yếu tố đầu trong câu khai triển cho đến hết yếu tố kinh nghiệm đầu tiên của câu. Yếu tố kinh nghiệm là những thành phần được phân loại như các tham thể, quá trình và chu cảnh trong hệ thống chuyển tác<sup>34</sup>. Thành phần kinh nghiệm đầu tiên của Phần Đề được gọi là phần Đề chủ đề. Theo Halliday [8], phần Đề của câu có thể bao gồm các yếu tố liên nhân hoặc ngôn bản đứng trước yếu tố kinh nghiệm này. Những yếu tố ngôn bản bao gồm yếu tố nối tiếp (*ồ, à*), những yếu tố liên kết (*trong khi, ngoài ra*). Những yếu tố liên nhân bao gồm thành phần xưng hô, thành phần tình thái (*theo tôi, rõ ràng là*). Halliday cho rằng phần Đề có thể bao gồm rất ít thông tin nếu những yếu tố đi sau yếu tố kinh nghiệm và đứng trước động từ chính cũng mang tính kinh nghiệm, như trong ví dụ 1 sau (phần Đề được gạch chân):

(1) Hôm qua, trước khi mọi người thức dậy, hấn lặng lẽ lên ra ngoài bằng cửa sau.

Nghiên cứu này áp dụng tiêu chí nhận thức của Halliday. Trên thực tế, định nghĩa của Halliday về phần Đề ‘những yếu tố khai triển cho đến hết yếu tố kinh nghiệm đầu tiên’ là thích hợp với mục đích của bài viết này.

Trong môi quan hệ với tiêu chí ‘những yếu tố khai triển cho đến hết yếu tố kinh nghiệm đầu tiên’, Halliday cũng tạo ra một sự phân biệt giữa phần Đề đánh dấu và phần Đề không đánh dấu. Để xác định cái gì được đánh dấu và không đánh dấu, sự qui chiếu hướng tới Thúc của câu. Chẳng hạn, khi yếu tố kinh nghiệm đầu tiên của một câu chỉ định không kết hợp với Chủ ngữ, thì đây là phần Đề đánh dấu. Phần Đề không đánh dấu trong câu chỉ định vì thế trùng với Chủ ngữ của câu. Trong hai ví dụ 2 và 3 dưới đây, phần Đề của câu được xác định theo tiêu chí của Halliday. Ví dụ thứ nhất là phần Đề đơn không đánh dấu bao gồm yếu tố kinh nghiệm đầu tiên và trùng với Chủ ngữ của câu. Ví dụ 2 là một phần Đề đa bao gồm yếu tố liên nhân, yếu tố ngôn bản và yếu tố kinh nghiệm. Phần Đề trong ví dụ 3 dưới đây cũng là phần Đề không đánh dấu vì phần Đề chủ đề trùng với với Chủ ngữ của câu.

(2) Ví dụ về phần Đề đơn

<i>Anh ấy</i>	<i>lui vào bên trong</i>
Kinh nghiệm: Chủ đề	Phần Thuyết
<b>Phần Đề /Chủ ngữ</b>	

<sup>34</sup>Chuyển tác là một trong những hệ thống ngữ pháp trong ngữ pháp chức năng của Halliday. Hệ thống chuyển tác liên quan đến cách các cú được cấu trúc để thể hiện kinh nghiệm và xử lí các kiểu quá trình mỗi cú giải thích: vật chất, tinh thần, hành vi, phát ngôn, quan hệ, v.v. Về cách mô tả đầy đủ hệ thống này trong tiếng Anh và tiếng Việt, xin xem Halliday [7]; Hoàng Văn Vân [4].

(3) Ví dụ về phần Đề đa

<i>Và</i>	<i>ừm</i>	<i>bạn thấy đấy</i>	<i>chúng tôi</i>	<i>đã có vài câu này bóng rất đẹp.</i>
Ngôn bản: Liên kết	Ngôn bản: Nối tiếp	Liên nhân: Tình thái	Kinh nghiệm: Chủ đề	
<b>Phần Đề</b>				<b>Phần Thuyết</b>

**2.1.2. Chức năng của phần Đề**

Chức năng của phần Đề trong ngôn bản là tạo sự nổi bật và được đánh giá khi đủ ngữ cảnh ngôn bản được tính đến để biểu hiện sự đóng góp, nếu có thể nói, phần Đề đó tạo ra sự hiện thực hóa ý nghĩa ngôn bản. Một chức năng của phần Đề là xuất phát điểm của câu với tư cách là thông điệp. Theo cách này, Mathiessen & Halliday [9: 515] giải thích rằng phần Đề nói về mặt ý nghĩa là điểm xuất phát từ đó câu đi ra khỏi lịch sử riêng của nó và di chuyển về phía trước. Ngữ cảnh bộ phận thiết lập câu, phần Đề của nó, hướng về ngôn bản trước đó - hướng về cái người nói đã nói; và nó tạo nên xuất phát điểm của bước tiếp theo trong sự phát triển của ngôn bản.

Phần Đề đóng chức năng như một yếu tố của cấu trúc câu nhưng với tư cách là bộ phận của cấu trúc tổng thể và nguồn thông tin trong ngôn bản chứa câu đó; nghĩa là, những sự lựa chọn phần Đề tạo nên “phương thức phát triển” của một ngôn bản.

**2.2. Kết quả phân tích phần Đề trong câu nghi vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán**

**2.2.1. Đề trong câu nghi vấn**

Để hiểu sự lựa chọn Đề không đánh dấu trong câu nghi vấn, trước hết cần tìm hiểu chức năng giao tiếp của loại câu này. Mục đích cơ bản nhất của một câu nghi vấn là để hỏi biết thông tin. Đề tự nhiên của một câu nghi vấn do đó là “*cái mà tôi muốn biết*”.

Câu nghi vấn tiếng Việt rất phong phú cách lựa chọn các phương tiện thể hiện. Các phương tiện đó là: đại từ nghi vấn, quan hệ từ “*hay*” các phụ từ, các ngữ thái từ chuyên dụng... Nhờ vậy, câu nghi vấn có thể tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau.

**2.2.2. Đề ở câu nghi vấn dùng các đại từ nghi vấn**

Trong những câu nghi vấn, xuất phát điểm tự nhiên là thông tin mà người hỏi muốn biết, vì vậy, nó là một đại từ nghi vấn mà hầu như luôn xuất hiện ở vị trí Đề: *ai, gì, nào, sao, , bao giờ, bao nhiêu...*Quả thực, cấu trúc của câu nghi vấn có đại từ nghi vấn đứng đúng ở cái vị trí vốn có của từ tương ứng trong câu khẳng định, cho phép Đề hóa các đại từ nghi vấn đứng đầu câu. Ví dụ:

- (4) ***Bao nhiêu*** cái áo này?
- (5) ***Bao giờ*** thì tốt nghiệp?
- (6) ***Ai*** đang gọi đấy?

Ở những trường hợp mà các đại từ nghi vấn không tham gia vào việc cấu tạo nên Đề thì Đề của câu giống như trong câu khẳng định.

Ví dụ:

(7) **Em** tên gì?

(8) **Anh** làm sao thế?

Đối với câu nghi vấn hỏi về nguyên nhân thì đại từ nghi vấn (*sao, thế nào*) thường đứng đầu câu và kết hợp với những quan hệ từ chỉ nguyên nhân (*vì, do, tại, bởi...*) để tạo thành Đề liên nhân nghi vấn trong câu. Ví dụ:

(9) **Sao** anh về muộn vậy?

(10) **Tại sao** anh không đi?

Trong những câu mà đại từ nghi vấn tham gia vào việc cấu tạo Đề thì những đại từ nghi vấn đó là Đề liên nhân nghi vấn. Chẳng hạn như trong ví dụ (9) “*Sao*” là Đề liên nhân nghi vấn, nó kết hợp với *anh* là Đề chủ đề để tạo nên Đề đa của câu.

### 2.2.3. Đề ở câu nghi vấn dùng kết từ lựa chọn “hay”

Khảo sát cho thấy từ “*hay*” được dùng theo hai cách: đứng đầu câu hoặc đứng ở một vị trí bất kì nào đó.

Khi “*Hay*” (*Hay là*) đứng đầu câu, chẳng hạn:

(11) *Anh đi một mình nhé! Hay là em đi với anh?*

(12) *Có một vẻ mới lạ làm Hà hoang mang. Hay là thầy có ai?*

thì nó thực hiện hai chức năng:

Thứ nhất là thực hiện chức năng liên kết, tức là làm Đề ngôn bản như trong ví dụ (11). Ở đây “*Hay là*” là yếu tố thực hiện nhiệm vụ liên kết với nội dung của câu đi trước (*đi một mình*), do đó nó là Đề ngôn bản của câu và nó kết hợp với Đề chủ đề (*em*) để tạo nên Đề đa của câu.

Thứ hai là thực hiện chức năng liên nhân tức là làm Đề liên nhân của câu (tương đương với *có lẽ*). Nó cũng có thể kết hợp với Đề chủ đề để tạo nên Đề đa của câu như trong ví dụ (11) và trong ví dụ (13) sau đây:

(13) **Hay là** tôi đi thay cho nó?

Ở ví dụ (12) “*Hay là*” là Đề liên nhân nghi ngờ. Ở ví dụ (13) thì “*Hay là*” là Đề liên nhân lựa chọn (hàm ý đề nghị)

Khi “*hay*”, “*hay là*” không đứng ở đầu câu mà ở một vị trí bất kì nào đó thì nó không phải là Đề nữa. Lúc này Đề của câu nghi vấn cũng giống như trong câu khẳng định, và “*hay*”, “*hay là*” chỉ là sự lựa chọn giữa các yếu tố trong một bộ phận của Đề hoặc của Thuyết. Từ *hay* sẽ đứng trước sự lựa chọn cuối cùng. Sự lựa chọn thứ hai có thể là sự phủ định của sự lựa chọn thứ nhất. Ví dụ:

(14) **Em** thích màu đỏ hay màu hồng?

(15) **Em** hỏi anh hay (hỏi) chị này?

(16) **Cái Lan** hay thằng Tuấn làm vỡ lọ hoa đấy?

Trong ví dụ (16), “*hay*” là sự lựa chọn trong hai khả năng: “*Cái Lan*” hoặc “*thằng Tuấn*” gây ra hành động nêu ở vị trí. Do đó nó chỉ là một yếu tố nằm trong bộ phận được chọn làm Đề

cho câu. Nghĩa là cả ‘*Cái Lan hay thằng Tuấn*’ mới là Đề của câu nghi vấn; về cú pháp, chúng quan hệ đẳng lập với nhau, cùng nhau làm Chủ ngữ của câu.

Còn trong các ví dụ (14) và (15) thì “*hay*” cũng là sự lựa chọn các khả năng “*màu đỏ*” hoặc “*màu hồng*”; “*anh*” hoặc “*chị này*”, nhưng nó chỉ là yếu tố nằm trong Thuyết của câu. Nghĩa là cả kiến trúc “*thích màu đỏ hay màu hồng*” mới tạo thành Thuyết của câu.

#### 2.2.4. Đề trong câu nghi vấn dùng các tiểu từ chuyên dụng

Trong trò chuyện thân mật hằng ngày, một câu nghi vấn đôi khi có thể có cùng một trật tự từ như trong một câu khẳng định. Chúng được nói với một ngữ điệu đi lên ở tiểu từ chuyên dụng. Những tiểu từ chuyên dụng trong câu nghi vấn như: *à, u, ạ, nhỉ, hử, hả..* thường đứng ở vị trí cuối câu. Chúng là những dấu hiệu, phương tiện để tạo nên câu nghi vấn, đồng thời chúng còn diễn tả những sắc thái tình cảm khác nhau mà người nói muốn thể hiện. Đề của loại câu này được xác định theo cách của câu khẳng định. Ví dụ:

(17) *Bà nuôi tằm à?*

(18) *Anh mua cái áo sơ mi cho thầy đấy hả?*

ở những câu nghi vấn như thế này thì cấu trúc Đề-Thuyết không có gì khác so với câu khẳng định. Đề vẫn có thể là danh từ, đại từ nhân xưng và những tiểu từ chuyên dụng là bộ phận nằm trong Thuyết để tạo nên ý nghi vấn và để phân biệt với câu khẳng định. Ví dụ:

(19) *Em vào được chứ?*

(20) *Anh tưởng em nói đùa hả?*

#### 2.1.4. Đề trong câu nghi vấn dùng phó từ

Giống như những câu nghi vấn chứa đại từ nghi vấn, cần lưu ý đến câu nghi vấn dùng phó từ, chẳng hạn như: *có...không, đã...chưa...* thông tin cần biết trong những trường hợp này có tính phân cực của sự khẳng định/ phủ định. Có thể hiểu một câu nghi vấn kiểu như “*Anh ấy đã đi chưa?*” là người nói muốn người nghe làm sáng tỏ hơn một trong hai khả năng là đúng “*Anh ấy đã đi/ chưa đi*”.

Phân tích Đề trong kiểu câu này có ba trường hợp cần xem xét sau đây:

Thứ nhất, đối với những câu nghi vấn mà các cặp phó từ làm thành khuôn *có .....không, đã.....chưa* (ví dụ: *có, đã* đứng giữa câu và *không, chưa* đứng cuối câu) thì thực từ đứng trước *có, đã* đóng chức năng Đề.

Ví dụ: ( Đề in đậm, phó từ gạch dưới)

(21) **Chú** có **bật** lửa *không?*

(22) **Anh** có **đi** xem **phim** *không?*

(23) **Con** đã **học** bài *chưa?*

“*Chú*”, “*Cậu*”, “*Con*” là những thành phần bộ phận của các thông điệp trên, chúng được chọn làm xuất phát điểm, tức là Đề của câu. Từ xuất phát điểm đó mà câu nghi vấn được triển khai, trong đó có sử dụng các cặp phó từ nghi vấn.

Trường hợp thứ hai là các câu nghi vấn có các phó từ đứng cuối. Nếu các phó từ trong kiểu câu này nếu đứng ở cuối câu thì cấu trúc Đề- Thuyết giống với câu khẳng định.

Ví dụ: (Đề in đậm, phó từ gạch dưới)

(24) **Cô bé** thật đáng yêu **phải không?**

(25) **Chi ấy** là người yêu anh **có phải không?**

Trường hợp thứ ba là những câu nghi vấn có các cặp phó từ nghi vấn. Với những phó từ nghi vấn với khuôn *có... không, đã bao giờ...chưa, nếu có, đã bao giờ* đứng đầu câu, *không, chưa* đứng cuối câu thì phó từ cùng thực từ đứng sau chúng sẽ giữ chức năng Đề và phó từ đứng đầu và đứng trước Vị ngữ là Đề liên nhân của cả câu vì nó là yếu tố liên nhân tạo ý nghi vấn cho câu. Ví dụ:

(26) **Có đi không?** (Đề liên nhân)

(27) **Có phải cháu** là con mẹ Lan **không?** (Đề liên nhân và Đề chủ đề)

Như vậy, có thể thấy, trong các kiểu câu nghi vấn tiếng Việt, Đề vẫn là Đề trong câu khẳng định.

### 2.3. Đề trong câu cầu khiến

Mục đích cơ bản của câu cầu khiến là để yêu cầu ai đó làm một việc gì. Câu cầu khiến tiếng Việt cũng giống như trong các ngôn ngữ khác, chúng đều có thông điệp cơ bản là: “tôi muốn anh làm một điều gì đó”. Như vậy câu cầu khiến có chức năng điều khiển. Nội dung điều khiển của câu cầu khiến rất rộng: có thể là *ra lệnh, đề nghị* cũng có thể là *cầu xin, van nài*. Ví dụ:

(28) *U đi mua gạo mau lên!*

Khi thực hiện một câu cầu khiến, người nói có thể sử dụng những phương tiện khác nhau để tạo nên ý cầu khiến. Do đó việc phân tích cấu trúc Đề-Thuyết trong câu cầu khiến không phải là điều đơn giản. Câu cầu khiến tiếng Việt xét ở mặt hình thức diễn đạt có thể kể đến một số loại sau: câu cầu khiến dùng phụ từ, câu cầu khiến không dùng phụ từ.

#### 2.2.1. Đề trong câu cầu khiến không dùng phụ từ

Mệnh lệnh thức trong câu cầu khiến được cấu tạo bằng các động từ nêu nội dung lệnh nên yếu tố đầu tiên trong loại câu này thường là một quá trình, quá trình này có chức năng chuyển tác và được xem như một Đề chủ đề trong câu. Ví dụ:

(29) *Câm miệng lại.*

(30) *Chạy đi.*

Đề trong những câu cầu khiến dưới đây được xác định giống như câu khẳng định. Ví dụ:

(31) *Các em trật tự.*

(32) *Mày liệu mà giữ môm giữ miệng.*

#### 2.3.1. Đề trong câu cầu khiến dùng phụ từ

Câu cầu khiến tiếng Việt thường sử dụng các phụ từ chuyên biệt có tác dụng tạo tính liên nhân cầu khiến. Đó là những phụ từ: *hãy, đừng, chớ...* đứng trước động từ. Những phụ từ này có tác dụng tạo nên ý cầu khiến khi tham gia vào câu cầu khiến tiếng Việt. Chúng có thể được đặt ở các vị trí khác nhau: đứng ở vị trí đầu tiên trong câu và liền sau đó là động từ, hoặc đứng trước động từ nhưng lại đứng sau Chủ ngữ.

Những câu có các phụ từ *hãy đừng chớ* đứng trước động từ và nằm ở vị trí đầu tiên để tạo hành động nói cho câu thì Đề chính là những phụ từ đó cộng với động từ đi với nó. Ví dụ:

(33) *Đừng dậy mà chạy suu cho chồng! **Đừng có ngời** ăn vạ đấy nữa!* (Ngô Tất Tố)

Những câu có phụ từ đứng trước động từ nhưng lại đứng sau một danh từ, đại từ có chức năng làm Chủ ngữ cho câu thì Đề là những danh từ, đại từ.

(34) *Thầy u đừng đem bán con.* (Ngô Tất Tố)

(35) *Các ông đừng bi mặt nhau.*

- Nếu những câu có phụ từ cầu khiến: *đi, thôi, nào...* đứng sau động từ thì những phụ từ này có tác dụng tạo ý cầu khiến và mang sắc thái ý nghĩa thân hữu. Chúng thường đứng cuối câu, do đó việc phân tích Đề sẽ không ảnh hưởng đến chúng. Vì vậy, Đề trong những câu này cũng giống như trong những câu khẳng định.

(36) *Anh cứ trả lời thế đi!*

(37) *Tiểu ở nhà nhé!*

#### 2.4. Đề trong câu cảm thán

Khi nhắc đến Thức của động từ người ta cho rằng chỉ có Thức chỉ định trong câu khẳng định, Thức chỉ định trong câu nghi vấn, Thức cầu khiến trong câu cầu khiến mà không có Thức cho câu cảm thán. Theo Halliday trong mối quan hệ với tiếng Anh [8], khi một câu chia được thành hai phần thì câu đó có cấu trúc Đề-Thuyết. Câu cảm thán có đầy đủ phẩm chất đó, cho nên vẫn có thể xem xét đến cấu trúc Đề của câu cảm thán như những loại câu khác.

Mục đích cơ bản của câu cảm thán là bộc lộ trực tiếp cảm xúc, cảm giác của người nói trước một sự tác động hoặc kích thích nào đó từ trong hiện thực hoặc trong ngôn bản: *vui mừng, buồn tui, giận hờn, lo lắng, khiếp sợ...* Có nhiều phương tiện hình thức khác nhau để đánh dấu các loại câu cảm thán trong tiếng Việt và chúng tôi cũng dựa vào đó để xem xét cấu tạo Đề trong đó.

##### 2.4.1 Đề trong câu cảm thán dùng thán từ

Những thán từ tham gia vào việc tạo Đề cho câu là những thán từ đứng làm phần cảm thán trong câu (biệt lập với cấu trúc cú pháp của câu đứng sau). Tiếp theo sau là phần nêu lên vật, việc, hiện tượng là nguyên nhân gây nên cảm xúc. Trong trường hợp này thì những thán từ đó đóng vai trò làm Đề cho câu, và chúng là những Đề liên nhân. Chú ý rằng, yếu tố liên nhân ở đây là yếu tố liên nhân của hành động nói chứ không phải liên nhân của phát ngôn. Ví dụ:

(38) *Ồi giời ôi, đừng làm to chuyện, anh Quát!*

Những thán từ (*ôi giời ôi, ôi, gớm, chao ôi...*) là những Đề của câu cảm thán, chúng thể hiện những cảm xúc, tình cảm của người nói đối với nội dung sự việc nêu ở phần đi sau. Nhưng câu cảm thán có Đề tình thái như thế này có rất nhiều trong cách nói của người Việt. Chúng tạo thành một kiểu câu rất đặc trưng mà khi đi sâu vào chúng ta có thể khám phá ra rất nhiều điều lí thú.

##### 2.4.2. Đề trong câu cảm thán dùng tiểu từ “thay”

Trong câu cảm thán dùng tiểu từ *thay* thì tiểu từ *thay* thường có động từ, tính từ chỉ nội dung cảm xúc đứng trước và sau nó là danh từ/cụm danh từ chỉ đối tượng tạo nên cảm xúc. Trong những câu như thế này thì Đề là phần bắt đầu từ đầu câu cho đến hết *thay*. Nói cách khác Đề trong câu cảm thán dùng thán từ *thay* là phần có chứa từ *thay* cộng với những cái đứng trước nó (có thể là động từ, tính từ). Chúng là Đề liên nhân của câu.

Ví dụ: (Đề in đậm, từ chuyên dụng gạch dưới)

(39) **Thương thay thân phận con rùa!**

- *Đề trong câu cảm thán dùng các phụ từ cảm thán*

Trong các câu cảm thán dùng các phụ từ cảm thán: *lạ, thật (đấy), quá, ghê...* nếu những phụ từ này đứng cuối câu thì Đề của loại câu này cũng giống như Đề trong câu khẳng định (Đề chủ đề). Nghĩa là Đề là bất cứ cái gì đó đứng ở vị trí đầu trong câu.

Ví dụ: (Đề in đậm, phụ từ cảm thán gạch dưới)

(40) **Anh ấy hát hay thế!**

(41) **Anh Huế đóng đồ đẹp thật đấy!**

Những phụ từ trong các câu trên mặc dù tạo nên ý cảm thán cho câu nhưng chúng không tham gia vào việc cấu tạo nên phần Đề. Chúng là những Thuýếtliên nhân.

Một số cấu trúc mang tính biểu thức gián đoạn như: *Sao mà ... thế, Sao mà...không biết, rõ là... quá...*, trong đó *sao mà, rõ* làm thành Đề liên nhân của câu.

Ví dụ: (Đề in đậm, phụ từ cảm thán gạch dưới)

(42) **Rõ là lần thân quá!**

(43) **Sao mà vui thế!**

### 3. KẾT LUẬN

Phần đầu của bài viết này chúng tôi đã đề cập rằng phần Đề là sự hiện thực hóa của chức năng ngôn bản của ngôn ngữ và chúng đóng góp cho cấu trúc kinh nghiệm và ý nghĩa liên nhân ‘với tư cách là thông tin mà có thể được chia sẻ giữa người nói và người viết (Mathiessen [9: 20]). Mặc dù có những trường hợp giống nhau, song phần Đề trong mỗi loại câu đều có những đặc trưng riêng của nó. Lí do giải thích cho điều này là ở những dấu hiệu hình thức riêng qui định cho mỗi loại câu. Và dựa vào những dấu hiệu hình thức đó, Đề trong mỗi loại câu được bộc lộ một cách rõ nhất, đầy đủ nhất.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
2. Cao Xuân Hạo (2004), *Tiếng Việt: sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Khoa học xã hội, Hà Nội
3. Nhiều tác giả (2001), *Truyện ngắn hay*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
4. Vũ Trọng Phụng (2016), *Tuyển tập*, NXB Văn học, Hà Nội.
5. Hoàng Văn Vân (2005), *Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt: Mô tả theo quan điểm chức năng hệ thống*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Hồng Vân (2006), *Phần đề trong câu – một thành tố với chức năng tạo văn bản*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 6, trang 21-26.
7. Fries, P. H., On the Status of Theme in English: argument from discourse, *Forum Linguisticum*, 6(1), pp. 1 – 38, 1981.
8. Halliday, M. A. K., *An Introduction to Functional Grammar*, (2<sup>nd</sup> Edition) London: Edward Arnold, 1994.
9. Matthiessen, C. M. I. M., and M. A. K. Halliday. *Systemic Functional Grammar: A first step in to the theory*. London: France Pinter, 1997.

## STRUCTURE AND DISCOURSE FUNCTION OF THEME OF PSEUDO-CLEFT CONSTRUCTIONS IN VIETNAMESE CLAUSES

**Abstract:** *It was explained that, in Vietnamese clauses, word order is first and foremost determined by syntactic function. It was noted that, when word order variation takes place, other levels of sentence meaning, but not the semantic and grammatical role structures, are substantially affected. Theme is a naturally salient area that is generally used for a wide range of “urgent tasks” which profile this category as simultaneously a marker of subjectivity or subjectivification and as a marker of discourse structure. It was shown that the used of different classes and type of Themes underscores their affinities with specific text type and speaker’s attitudes. This article is concerned with Theme of sentences classified by purpose in Vietnamese clauses, base on System Functional Grammar (SFG) of Halliday.*

**Keywords:** *Sentences classified by purpose, Theme, System Functional Grammar (SFG) of Halliday*